

SỞ GD&ĐT TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 2
MÔN SINH HỌC – KHỐI 12 (BAN B)

Ngày thi: 14/11/2016

Thời gian làm bài: 50 phút
(40 câu trắc nghiệm)

Mã đề thi 128

Câu 1: Kết quả phép lai thuận Lai thuận nghịch khác nhau về kiểu hình. Tính trạng có thể đều hoặc không đều ở 2 giới thì cho phép khẳng định

A. Tính trạng do gen nằm trên NST trường quy định.

B. Tính trạng do gen nằm ở tế bào chất quy định.

C. Tính trạng do gen nằm ở trên NST giới tính quy định.

D. Tính trạng do gen nằm ở ti thể quy định.

Câu 2: Tổ hợp lai nào sau đây luôn cho tỉ lệ kiểu hình 1A-bb : 2A-B- : 1aaB-

1. $\frac{Ab}{aB}$ (liên kết hoàn toàn) x $\frac{aB}{Ab}$ (liên kết hoàn toàn)

2. $\frac{Ab}{aB}$ (liên kết hoàn toàn) x $\frac{aB}{Ab}$ (hoán vị gen với tần số bất kỳ)

3. $\frac{Ab}{aB}$ (liên kết hoàn toàn) x $\frac{AB}{ab}$ (hoán vị gen với tần số bất kỳ)

4. $\frac{AB}{ab}$ (liên kết hoàn toàn) x $\frac{aB}{Ab}$ (hoán vị gen với tần số bất kỳ)

Câu trả lời đúng là:

A. 1, 2, 3, 4.

B. 1, 2, 3.

C. 1, 3, 4.

D. 1, 2, 4.

Câu 3: Ở một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa vàng. Hai cặp gen này nằm trên cặp nhiễm sắc thể tương đồng số 1. Alen D quy định quả tròn trội hoàn toàn so với alen d quy định quả dài, cặp gen Dd nằm trên cặp nhiễm sắc thể tương đồng số 2. Cho giao phấn giữa hai cây (P) đều thuần chủng được F_1 dị hợp về 3 cặp gen trên. Cho F_1 giao phấn với nhau thu được F_2 , trong đó cây có kiểu hình thân cao, hoa đỏ, quả tròn chiếm tỉ lệ 49,5%. Biết rằng hoán vị gen xảy ra cả trong quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái với tần số bằng nhau. Tính theo lí thuyết, cây có kiểu hình thân thấp, hoa vàng, quả dài ở F_2 chiếm tỉ lệ

A. 4%.

B. 9%.

C. 16%.

D. 12%

Câu 4: Trong các ví dụ sau, có bao nhiêu ví dụ về thường biến?

(1) Cây bàng rụng lá về mùa đông, sang xuân lại đâm chồi nảy lộc.

(2) Một số loài thú ở xứ lạnh, mùa đông có bộ lông dày màu trắng, mùa hè có bộ lông thưa màu vàng hoặc xám.

(3) Người mắc hội chứng Đào thường thấp bé, má phệ, khe mắt xếch, lưỡi dày.

(4) Các cây hoa cẩm tú cầu có cùng kiểu gen nhưng sự biểu hiện màu hoa lại phụ thuộc vào độ pH của môi trường đất.

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 1.

Câu 5: Đặc điểm nào dưới đây **không** phải là đặc điểm di truyền của gen nằm trên NST X ?

A. Tính trạng có xu hướng dễ biểu hiện ở cơ thể mang cặp NST XX

B. Tỉ lệ phân tính của tính trạng có thể đều hoặc không đều ở 2 giới

C. Kết quả phép lai thuận và phép lai nghịch khác nhau.

D. Có hiện tượng di truyền chéo.

Câu 6: Ở người, alen A quy định không bị bệnh N trội hoàn toàn so với alen a quy định bị bệnh N, alen B quy định không bị bệnh M trội hoàn toàn so với alen b quy định bị bệnh M. Hai gen này nằm ở vùng không tương đồng trên nhiễm sắc thể giới tính X và giả sử cách nhau 20cM. Người phụ nữ (1) không bị bệnh N và M kết hôn với người đàn ông (2) chỉ bị bệnh M, sinh được con gái (5) không bị hai bệnh trên. Một cặp vợ chồng khác là (3) và (4) đều không bị bệnh N và M, sinh được con trai (6) chỉ bị bệnh M và con gái (7) không bị bệnh N và M. Người con gái (7) lấy chồng (8) không bị hai

bệnh trên, sinh được con gái (10) không bị bệnh N và M. Người con gái (5) kết hôn với người con trai (6), sinh được con trai (9) chỉ bị bệnh N. Biết rằng không xảy ra đột biến mới ở tất cả những người trong các gia đình trên. Dựa vào các thông tin trên, hãy cho biết, trong các kết luận sau, có bao nhiêu kết luận đúng?

- (1) Người con gái (10) có thể mang alen quy định bệnh M.
- (2) Xác định được tối đa kiểu gen của 5 người trong các gia đình trên.
- (3) Người phụ nữ (1) mang alen quy định bệnh N.
- (4) Cặp vợ chồng (5) và (6) sinh con thứ hai là con trai có thể không bị bệnh N và M.
- (5) Người con gái (7) có thể có kiểu gen $X_b^A X_B^a$

Xác suất sinh con thứ hai là con gái không bị bệnh N và M của cặp vợ chồng (5) và (6) là 12,5%.

- A. 4. B. 1. **C. 3.** D. 2.

Câu 7: Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, các gen phân li độc lập, gen trội là trội hoàn toàn và không có đột biến xảy ra. Tính theo lí thuyết, phép lai $AaBbDdEe \times AaBbDdEe$ cho đời con có kiểu hình mang ít nhất một tính trạng lặn chiếm tỉ lệ

- A. $\frac{9}{256}$. **B. $\frac{175}{256}$.** C. $\frac{81}{256}$. D. $\frac{27}{256}$.

Câu 8: Điều kiện quan trọng nhất của quy luật phân li độc lập là:

- A. Tính trạng trội phải trội hoàn toàn.
- B. Các cặp gen quy định các cặp tính trạng nằm trên các cặp NST tương đồng khác nhau.**
- C. Bố mẹ phải thuần chủng về tính trạng đem lai.
- D. Số lượng cá thể phải đủ lớn.

Câu 9: Ở người, bệnh mù màu do gen lặn quy định nằm trên NST X, không có alen tương ứng trên Y. Một người phụ nữ nhìn màu bình thường lấy một người chồng bị bệnh mù màu, họ sinh một con trai bị bệnh mù màu. Kết luận đúng là

- A. Gen bệnh của con trai lấy từ bố hoặc mẹ.
- B. Gen bệnh của con trai lấy từ bố và mẹ.
- C. Gen bệnh của con trai lấy từ mẹ.**
- D. Gen bệnh của con trai chắc chắn lấy từ bố.

Câu 10: Ở một loài thực vật, cho cây hoa đỏ thuần chủng lai với cây hoa trắng thuần chủng thu được F_1 toàn cây hoa đỏ. Cho F_1 tự thụ phấn được F_2 có 43,75% cây hoa trắng: 56,25% cây hoa đỏ. Nếu cho cây F_1 lai phân tích thì ở đời con loại kiểu hình hoa trắng có tỉ lệ.

- A. 25%. B. 50%. **C. 75%.** D. 100%

Câu 11: Ở một loài thực vật, trong kiểu gen: có mặt hai gen trội (A, B) quy định kiểu hình hoa đỏ; chỉ có một gen trội A hoặc B quy định kiểu hình hoa hồng; không chứa gen trội nào quy định kiểu hình hoa trắng. Alen D quy định quả ngọt trội hoàn toàn so với alen d quy định quả chua. Các gen nằm trên nhiễm sắc thể thường. Cho F_1 dị hợp 3 cặp gen tự thụ phấn, F_2 thu được tỷ lệ kiểu hình như sau: 37,5% đỏ, ngọt : 31,25% hồng, ngọt : 18,75% đỏ, chua: 6,25% hồng, chua : 6,25% trắng, ngọt. Kiểu gen của F_1 phù hợp với kết quả phép lai trên là

- A. $\frac{AD}{ad} Bb$ hoặc $\frac{Bd}{bD} Aa$.
- B. $\frac{Ad}{aD} Bb$ hoặc $\frac{Bd}{bD} Aa$.**
- C. $\frac{Ad}{aD} Bb$ hoặc $\frac{BD}{bd} Aa$.
- D. $\frac{AD}{ad} Bb$ hoặc $\frac{BD}{bd} Aa$.

Câu 12: Cơ sở tế bào học của hiện tượng hoán vị gen là sự:

- A. Trao đổi chéo giữa 2 crômatit “không chị em” trong cặp NST tương đồng ở kì đầu giảm phân I.**
- B. Trao đổi đoạn tương ứng giữa 2 crômatit cùng nguồn gốc ở kì đầu của giảm phân I.
- C. Tiếp hợp giữa các nhiễm sắc thể tương đồng tại kì đầu của giảm phân I.
- D. Tiếp hợp giữa 2 crômatit cùng nguồn gốc ở kì đầu của giảm phân I.

Câu 13: Ở một loài thực vật, khi trong kiểu gen có cả gen A và gen B thì hoa có màu đỏ. Nếu trong kiểu gen chỉ có A hoặc chỉ có B thì hoa có màu vàng. Nếu không có gen A và B thì hoa có màu trắng. Ở phép lai $AaBB \times aaBb$, đời con có tỉ lệ kiểu hình

- A. 1 hoa đỏ : 1 hoa trắng.
- B. 1 hoa đỏ : 1 hoa vàng.**
- C. 1 hoa đỏ : 2 hoa vàng : 1 hoa trắng.
- D. 1 hoa vàng : 1 hoa trắng.

Câu 14: Cây thân cao tự thụ phấn, đời F_1 có tỉ lệ 9 cây thân cao : 7 cây thân thấp. Cho tất cả các cây thân cao F_1 giao phấn ngẫu nhiên thì theo lí thuyết, tỉ lệ kiểu hình ở F_2 sẽ là.

- A. 9 cao : 7 thấp. B. 31 cao : 18 thấp. **C. 64 cao : 17 thấp.** D. 25 cao : 11 thấp.

Câu 15: Ở đậu Hà Lan, gen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; gen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng; gen D quy định vỏ hạt vàng trội hoàn toàn so với alen d quy định vỏ hạt xanh. Các gen này phân li độc lập với nhau. Cho cây cao, hoa đỏ, vỏ hạt vàng có kiểu gen dị hợp cả 3 cặp gen tự thụ phấn được F_1 . Chọn ngẫu nhiên 1 cây thân cao, hoa trắng, vỏ hạt vàng và 1 cây thân thấp, hoa đỏ, vỏ hạt xanh ở F_1 cho giao phấn với nhau được F_2 . Nếu không có đột biến và chọn lọc, tính theo lí thuyết thì xác suất xuất hiện kiểu hình cây cao, hoa đỏ, vỏ hạt xanh ở F_2 là:

- A. 4/27.** B. 8/27. C. 6/27. D. 2/27.

Câu 16: Kiểu hình của cơ thể sinh vật phụ thuộc vào yếu tố nào?

- A. Kiểu gen do bố mẹ di truyền. **B. Kiểu gen và môi trường.**
C. Điều kiện môi trường sống. D. Quá trình phát triển của cơ thể.

Câu 17: Cho con đực thân đen, mắt trắng thuần chủng lai với con cái thân xám, mắt đỏ thuần chủng được F_1 đồng loạt thân xám, mắt đỏ. Cho F_1 giao phối với nhau, đời F_2 có 50% con cái thân xám, mắt đỏ, 20% con đực thân xám, mắt đỏ, 20% con đực thân đen, mắt trắng, 5% con đực thân xám, mắt trắng, 5% con đực thân đen, mắt đỏ. Cho biết mỗi cặp tính trạng do một cặp gen quy định. Phép lai này chịu sự chi phối của các quy luật

- (1) Di truyền trội lặn hoàn toàn (2) Gen nằm trên NST X, di truyền chéo.
(3) Liên kết gen không hoàn toàn. (4) Gen nằm trên NST Y, di truyền thẳng.

Phương án đúng:

- A. 2, 3, 4. B. 1, 2, 4. C. 1, 3, 4. **D. 1, 2, 3.**

Câu 18: Màu sắc của hoa loa kèn do gen nằm ở trong tế bào chất quy định, trong đó hoa vàng trội so với hoa xanh. Lấy hạt phấn của cây hoa màu vàng thụ phấn cho cây hoa màu xanh được F_1 . Cho F_1 tự thụ phấn, tỉ lệ kiểu hình ở đời F_2 là:

- A. 100% cây cho hoa màu xanh.** B. 100% cây cho hoa màu vàng.
C. 75% cây hoa vàng; 25% cây hoa xanh. D. 50% cây hoa vàng; 50% cây hoa xanh.

Câu 19: Cơ sở tế bào học của định luật phân li độc lập:

- A. Sự phân ly và tổ hợp NST trong giảm phân và thụ tinh dẫn đến phân ly và tổ hợp các cặp gen.
B. F_1 là cơ thể lai nhưng tạo giao tử thuần khiết.
C. Sự phân ly độc lập và tổ hợp tự do của các cặp NST trong quá trình giảm phân tạo giao tử.
D. Sự phân ly độc lập và tổ hợp tự do của các cặp tính trạng.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây là đúng về bản đồ di truyền?

- A. Bản đồ di truyền cho ta biết tương quan trội, lặn của các gen.
B. Khoảng cách giữa các gen được tính bằng khoảng cách từ gen đó đến tâm động.
C. Bản đồ di truyền là sơ đồ về trình tự sắp xếp của các nuclêôtit trong phân tử ADN.
D. Bản đồ di truyền là sơ đồ phân bố các gen trên nhiễm sắc thể của một loài.

Câu 21: Cơ thể mang kiểu gen $\frac{AB}{ab} Dd$, mỗi gen qui định một tính trạng và trội hoàn toàn lai phân tích có hoán vị gen với tần số 20% thì tỉ lệ kiểu hình ở con lai là:

- A. 9 : 9 : 3 : 3 : 1 : 1. **B. 3 : 3 : 3 : 3 : 1 : 1 : 1 : 1.**
C. 1 : 1 : 1 : 1 : 1 : 1 : 1 : 1. **D. 4 : 4 : 4 : 4 : 1 : 1 : 1 : 1.**

Câu 22: Ở ruồi giấm, tính trạng thân xám trội hoàn toàn so với tính trạng thân đen, cánh dài trội hoàn toàn so với cánh ngắn. Các gen quy định màu thân và chiều dài cánh cùng nằm trên 1 nhiễm sắc thể và cách nhau 40 cM. Cho ruồi giấm thuần chủng thân xám, cánh dài lai với ruồi thân đen, cánh cụt; F_1 thu được 100% thân xám, cánh dài. Cho ruồi cái F_1 lai với ruồi thân đen, cánh dài dị hợp. F_2 thu được kiểu hình thân xám, cánh cụt chiếm tỉ lệ

- A. 30%. B. 15%. C. 20%. **D. 10%.**

Câu 23: Ở một loài thực vật, có 2 gen nằm trên 2 NST khác nhau tác động tích lũy lên sự hình thành chiều cao cây. Gen A có 2 alen, gen B có 2 alen. Cây aabb có độ cao 100cm, cứ có 1 alen trội làm cho cây cao 10cm. kết luận nào sau đây **không** đúng?

A. Có 2 kiểu gen quy định cây cao 110cm.

B. Cây cao 130cm có kiểu gen AABb hoặc AaBB

C. Có 4 kiểu gen quy định cây cao 120cm.

D. Cây cao 140cm có kiểu gen AABB.

Câu 24: Đối với một bệnh di truyền do gen lặn nằm trên NST thường quy định, nếu bố mẹ bình thường nhưng mang gen bệnh thì xác suất sinh con không bị bệnh của họ là

A. 25%.

B. 75%.

C. 50%.

D. 100%.

Câu 25: Bản chất của quy luật phân li là

A. Tính trạng trội át chế tính trạng lặn.

B. F₂ có tỉ lệ phân li kiểu hình 3 trội : 1 lặn.

C. Sự phân li đồng đều của cặp alen trong giảm phân.

D. F₂ có tỉ lệ phân li kiểu gen với tỉ lệ 1 : 2 : 1.

Câu 26: Trường hợp nào sau đây được xem là lai thuận nghịch

A. ♂Aa × ♀Aa và ♂Aa × ♀AA.

B. ♂AA × ♀aa và ♂aa × ♀AA.

C. ♂AA × ♀aa và ♂Aa × ♀aa.

D. ♂AA × ♀aa và ♂AA × ♀aa.

Câu 27: Ở động vật, để nghiên cứu mức phản ứng của một kiểu gen nào đó cần tạo ra các cá thể

A. có cùng kiểu gen.

B. có kiểu hình giống nhau.

C. có kiểu hình khác nhau.

D. có kiểu gen khác nhau.

Câu 28: Cho biết A quy định thân cao trội hoàn toàn so với a quy định thân thấp. Cho cây thân cao dị hợp tự thụ phấn ở đời con có 75% cây thân cao và 25% cây thân thấp. Trong số các cây F₁ lấy 2 cây thân cao, xác suất để cả 2 cây này đều có gen đồng hợp là

A. $\frac{4}{9}$.

B. $\frac{1}{3}$.

C. $\frac{1}{4}$.

D. $\frac{1}{9}$.

Câu 29: Gen A nằm trên vùng tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X và Y có 5 alen. Trong quần thể sẽ có tối đa bao nhiêu loại kiểu gen về gen A là

A. 15.

B. 57.

C. 20.

D. 40.

Câu 30: Ở một loài động vật, xét một gen có hai alen nằm ở vùng không tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X; alen A quy định vảy đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định vảy trắng. Cho con cái vảy trắng lai với con đực vảy đỏ thuần chủng (P), thu được F₁ toàn con vảy đỏ. Cho F₁ giao phối với nhau, thu được F₂ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 3 con vảy đỏ : 1 con vảy trắng, tất cả các con vảy trắng đều là con cái. Biết rằng không xảy ra đột biến, sự biểu hiện của gen không phụ thuộc vào điều kiện môi trường. Dựa vào các kết quả trên, dự đoán nào sau đây đúng?

A. F₂ có tỉ lệ phân li kiểu gen là 1 : 2 : 1.

B. Nếu cho F₂ giao phối ngẫu nhiên thì ở F₃ các con cái vảy trắng chiếm tỉ lệ 25%.

C. Nếu cho F₂ giao phối ngẫu nhiên thì ở F₃ các con đực vảy đỏ chiếm tỉ lệ 43,75%.

D. Nếu cho F₂ giao phối ngẫu nhiên thì ở F₃ các con cái vảy đỏ chiếm tỉ lệ 12,5%.

Câu 31: Lôcut Anăm trên NST thường quy định tính trạng màu mắt có 4 alen. Tiến hành 3 phép lai

Phép lai 1: mắt đỏ × mắt đỏ → 75% đỏ : 25% nâu

Phép lai 2: mắt vàng × mắt trắng → 100% vàng

Phép lai 3: mắt nâu × mắt vàng → 25% mắt trắng : 50% mắt nâu : 25% mắt vàng

Thứ tự từ trội đến lặn là

A. Đỏ → nâu → vàng → trắng.

B. Nâu → vàng → đỏ → trắng.

C. Vàng → nâu → đỏ → trắng.

D. Nâu → đỏ → vàng → trắng.

Câu 32: Khi nghiên cứu tính trạng khối lượng hạt của 4 giống lúa (đơn vị tính : g/1000 hạt), người ta thu được như sau:

Giống lúa	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4
Khối lượng tối đa	300	310	335	325
Khối lượng tối thiểu	200	220	240	270

Giống nào có khả năng nhất thiên về tính trạng số lượng.

A. Giống số 1.

B. Giống số 2.

C. Giống số 3.

D. Giống số 4.

Câu 33: Ở một loài động vật, biết alen A trội hoàn toàn so với alen a, alen B trội hoàn toàn so với alen b, alen D trội hoàn toàn so với alen d. Phép lai AaBbDd × AaBbDd cho số loại kiểu gen và kiểu hình ở đời con là:

A. 6, 4.

B. 9, 4.

C. 27, 8.

D. 6, 3.

Câu 34: Sơ đồ nào sau đây thể hiện đúng mối quan hệ giữa gen và tính trạng ở sinh vật nhân thực?

- A.** Gen (ADN) → mARN → Pôlipeptit → Prôtêin → Tính trạng.
B. Pôlipeptit → mARN → Gen (ADN) → Prôtêin → Tính trạng.
C. mARN → Gen (ADN) → Pôlipeptit → Prôtêin → Tính trạng.
D. Gen (ADN) → mARN → Prôtêin → Pôlipeptit → Tính trạng.

Câu 35: Trường hợp nào sẽ dẫn tới sự di truyền liên kết?

- A.** Các cặp gen quy định các cặp tính trạng xét tới cùng nằm trên 1 cặp nhiễm sắc thể.
B. Các cặp gen quy định các cặp tính trạng nằm trên các cặp nhiễm sắc thể khác nhau.
C. Tất cả các gen nằm trên cùng một nhiễm sắc thể phải luôn di truyền cùng nhau.
D. Các tính trạng khi phân ly làm thành một nhóm tính trạng liên kết.

Câu 36: Không thể tìm thấy được 2 người có cùng kiểu gen giống hệt nhau trên trái đất, ngoại trừ trường hợp sinh đôi cùng trứng vì trong quá trình sinh sản hữu tính

- A.** tạo ra một số lượng lớn biến dị tổ hợp. **B.** ảnh hưởng của môi trường.
C. các gen có điều kiện tương tác với nhau. **D.** dễ tạo ra các biến dị di truyền.

Câu 37: Ở một loài thú, màu lông được quy định bởi một gen nằm trên nhiễm sắc thể thường có 4 alen: alen C^b quy định lông đen, alen C^y quy định lông vàng, alen C^s quy định lông xám và alen C^w quy định lông trắng. Trong đó alen C^b trội hoàn toàn so với các alen C^y , C^s và C^w ; alen C^y trội hoàn toàn so với alen C^s và C^w ; alen C^s trội hoàn toàn so với alen C^w . Tiến hành các phép lai để tạo ra đời con. Cho biết không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây đúng?

(1) Phép lai giữa hai cá thể có cùng kiểu hình tạo ra đời con có tối đa 4 loại kiểu gen và 3 loại kiểu hình.

(2) Phép lai giữa hai cá thể có kiểu hình khác nhau luôn tạo ra đời con có nhiều loại kiểu gen và nhiều loại kiểu hình hơn phép lai giữa hai cá thể có cùng kiểu hình.

(3) Phép lai giữa cá thể lông đen với cá thể lông vàng hoặc phép lai giữa cá thể lông vàng với cá thể lông xám có thể tạo ra đời con có tối đa 4 loại kiểu gen và 3 loại kiểu hình.

(4) Có 3 phép lai (không tính phép lai thuận nghịch) giữa hai cá thể lông đen cho đời con có kiểu gen phân li theo tỉ lệ 1 : 1 : 1 : 1.

Phép lai giữa hai cá thể có kiểu hình khác nhau cho đời con có ít nhất 2 loại kiểu gen.

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 38: Cho cây hoa đỏ tự thụ phân, đời F_1 có tỉ lệ 9 cây hoa đỏ: 3 cây hoa hồng: 3 cây hoa vàng: 1 cây hoa trắng. Nếu lấy tất cả các cây hoa hồng ở F_1 cho giao phấn ngẫu nhiên thì tỉ lệ kiểu hình thu được ở F_2 là

- A.** 8 cây hoa hồng : 1 cây hoa trắng.
B. 3 cây hoa hồng : 1 cây hoa trắng.
C. 1 cây hoa đỏ: 1 cây hoa hồng: 1 cây hoa vàng: 1 cây hoa trắng.
D. 5 cây hoa hồng : 1 cây hoa trắng.

Câu 39: Trong trường hợp các gen phân li độc lập, tác động riêng lẻ và các gen trội là trội hoàn toàn, phép lai: $AaBbCcDd \times AaBbCcDd$ cho tỉ lệ kiểu hình $A-bbC-D-$ ở đời con là:

- A.** 27/256. **B.** 81/256. **C.** 1/16. **D.** 3/256.

Câu 40: Ở một loài thực vật, tính trạng màu hoa do hai gen không alen là A và B tương tác với nhau quy định. Nếu trong kiểu gen có cả hai gen trội A và B thì cho kiểu hình hoa đỏ; khi chỉ có một loại gen trội A hoặc B hay toàn bộ gen lặn thì cho kiểu hình hoa trắng. Tính trạng chiều cao cây do một gen gồm hai alen là D và d quy định, trong đó gen D quy định thân thấp trội hoàn toàn so với alen d quy định thân cao. Biết các gen nằm trên các NST khác nhau. Tính theo lí thuyết, phép lai $AaBbDd \times aaBbDd$ cho đời con có kiểu hình thân cao, hoa đỏ chiếm tỉ lệ

- A.** 3,125%. **B.** 28,125%. **C.** 42,1875%. **D.** 9,375%.

----- HẾT -----

Họ, tên thí sinh:.....SBD.....